

Số:1001 /QĐ-UBND

Nam Đồng, ngày 13 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm làm cơ sở đấu giá quyền sử dụng: 802m² đất ở, được chia thành 10 lô (thửa) tại khu đất xen kẹt thuộc tổ dân phố Nhân Nghĩa, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng và 332m² đất ở, được chia thành 02 lô (thửa) tại điểm dân cư mới số 1, khu dân cư Nhân Nghĩa, phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố Nhân Nghĩa, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng).

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NAM ĐỒNG

Căn cứ Luật số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội: Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội: Luật Ngân sách nhà nước, Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội: Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội: Luật Đấu giá tài sản. Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Luật số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 của Quốc hội: Luật Giá;

Căn cứ Luật số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 Quốc hội: Luật Đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2026 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 25/01/2025 của Bộ Tài Chính quy định hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư Pháp về việc ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành bảng giá đất lần đầu trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của UBND phường Nam Đồng về ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn của một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH của Quốc hội; áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai và một số nội dung liên quan trên địa bàn thành phố;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số /TTr-KT,HT&ĐT ngày /10/2026;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm làm cơ sở đấu giá quyền sử dụng: 802m² đất ở, được chia thành 10 lô (thửa) tại khu đất xen kẹt thuộc tổ dân phố Nhân Nghĩa, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng và 332m² đất ở, được chia thành 02 lô (thửa) tại điểm dân cư mới số 1, khu dân cư Nhân Nghĩa, phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố Nhân Nghĩa, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng)

1. Tên thửa đất, diện tích, mức giá khởi điểm (***Phụ lục kèm theo***).

2. Các mức giá trên đã bao gồm chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành.

3. Toàn bộ số tiền đấu giá thu được yêu cầu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân phường Nam Đồng hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục, các công việc khác có liên quan để tổ chức đấu giá quyền sử dụng 12 lô (thửa) đất ở theo đúng quy định của pháp luật. Việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Thuế cơ sở 9 thành phố Hải Phòng có trách nhiệm tổ chức việc thu nộp tiền sử dụng đất (tiền trúng đấu giá) theo đúng các quy định hiện hành. Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Văn hóa, Xã hội; Trung tâm phục vụ hành chính công; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Trưởng phòng Văn hóa, Xã hội; Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để báo cáo);
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường (để báo cáo).
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT, HT & ĐT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Huy

PHỤ LỤC

Phụ lục phê duyệt giá khởi điểm, làm cơ sở để tổ chức đấu giá Quyền sử dụng: 802m² đất ở, được chia thành 10 lô (thửa) tại khu đất xen kẹt thuộc tổ dân phố Nhân Nghĩa, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng và 332m² đất ở, được chia thành 02 lô (thửa) tại điểm dân cư mới số 1, khu dân cư Nhân Nghĩa, phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố Nhân Nghĩa, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng).

(Ban hành kèm theo quyết định số/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của UBND phường Nam Đồng)

STT	Vị trí quy hoạch		Giá khởi điểm	
	Lô đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền/lô đất
1	LK1-1	75,0	22.500.000	1.687.500.000
2	LK1-2	75,0	22.500.000	1.687.500.000
3	LK1-3	75,0	22.500.000	1.687.500.000
4	LK2-1	75,0	22.500.000	1.687.500.000
5	LK2-2	75,0	22.500.000	1.687.500.000
6	LK2-3	75,0	22.500.000	1.687.500.000
7	LK3-1	93,5	11.500.000	1.075.250.000
8	LK3-2	93,5	11.500.000	1.075.250.000
9	LK4-1	82,5	11.500.000	948.750.000
10	LK4-2	82,5	11.500.000	948.750.000
11	LK07	164,4	20.000.000	3.288.000.000
12	LK08	167,6	20.000.000	3.352.000.000
Tổng cộng		1.134		20.813.000.000